

Số: 158/2020/QĐST-DS

Quận 6, ngày 17 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Yêu cầu tuyên bố một người mất tích

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Mỹ Quý

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 71/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 17/2020/QĐST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020, gồm có những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Nam T – Sinh năm: 1971

Địa chỉ: 194B đường A, Phường E, Thành phố M, tỉnh T

NỘI DUNG SỰ VIỆC:

Trong đơn yêu cầu, bản tự khai và tại phiên họp, người yêu cầu là ông Nguyễn Nam T trình bày:

Ông và bà Lê Thị M tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 30/2017 đăng ký ngày 18/3/2017 tại UBND Phường E, thành phố M, tỉnh T. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sống ở thành phố M. Ông và bà M sống chung với nhau được 05 (năm) tháng thì khoảng tháng 8/2017 bà M về Sài Gòn làm thủ tục bán căn nhà địa chỉ số 241/27B6/59 đường H, Phường N, Quận F, TP.HCM và bỏ đi luôn cho đến nay.

Trước khi kết hôn với bà M thì ông được biết bà M sống tại địa chỉ 241/27B6/59 đường H, Phường N, Quận F, TP.HCM. Cha mẹ bà M đã chết, bà M có tất cả bao nhiêu anh chị em thì ông cũng không rõ. Ông chỉ biết bà M có một người chị đang sống ở tỉnh P, vì vậy khi bà M bỏ đi thì ông có ra ngoài tỉnh P để hỏi thăm tin tức của bà M nhưng cũng không biết bà M đang ở đâu.

Nay ông Nguyễn Nam T yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố bà Lê Thị M, sinh năm 1970; Nơi cư trú cuối cùng: 241/27B6/59 đường H, Phường N, Quận F, TP.HCM, mất tích. Để ông bổ túc hồ sơ xin ly hôn với bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Căn cứ bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 30/2017 đăng ký ngày 18/3/2017 tại UBND Phường E, thành phố M, tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Nam T và bà Lê Thị M thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Lê Thị M mất tích theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Theo xác nhận của Công an Phường N, Quận 6 ngày 01/6/2020 thì “Đương sự Lê Thị M, sinh năm 1970, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 241/27B6/59 đường H, Phường N, Quận F, TP.HCM. Nhà đã bán năm 2017, hiện đương sự M không thực tế cư trú tại địa phương, đi đâu không rõ”.

[3] Tòa án nhân dân Quận 6 đã ra Quyết định số 71/2020/QĐ-TA ngày 23/6/2020 Thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích đối với bà Lê Thị M và Công văn số 424/TAQ6 ngày 23/6/2020 yêu cầu Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Cổng thông tin điện tử UBND Thành phố Hồ Chí Minh đăng thông báo tìm kiếm tin tức của bà Lê Thị M. Thông báo tìm kiếm bà Lê Thị M được đăng trên báo Lao Động 03 số liên tiếp vào các ngày 25, 26, 27/6/2020; đăng tin trên Đài tiếng nói Việt Nam trong 03 ngày từ 06/7/2020 đến ngày 08/7/2020 nhưng đến nay đã quá 04 tháng vẫn không có tin tức gì về bà Lê Thị M.

Như vậy, bà Lê Thị M đã đi biệt tích 02 năm liền trở lên và không có tin tức xác thực là còn sống hay đã chết. Đồng thời theo lời trình bày của người yêu cầu xác định bà Lê Thị M đã đi biệt tích từ năm 2017 đến nay không có nhận được tin tức gì của bà M nên theo quy định tại khoản 1 Điều 68 của Bộ luật dân sự 2015, Toà án nhân dân Quận 6 có đủ cơ sở tuyên bố bà Lê Thị M mất tích theo yêu cầu của ông Nguyễn Nam T.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Bà Lê Thị M đã đi biệt tích 02 năm liền trở lên và không có tin tức xác thực là còn sống hay đã chết. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự là ông Nguyễn Nam T cũng đã thông báo tìm kiếm tin tức của bà Lê Thị M trên báo, đài và đến nay đã quá 04 tháng vẫn không có tin tức gì về bà Lê Thị M. Vì vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Nam T về việc tuyên bố bà Lê Thị M, sinh năm 1970; Nơi cư trú cuối cùng: 241/27B6/59 đường H, Phường N, Quận F, TP.HCM, mất tích.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do ông Nguyễn Nam T nộp.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, các Điều 367, 370, 371, 372, 389 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 68 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Nam T.

- Tuyên bố bà Lê Thị M, sinh năm 1970; Nơi cư trú cuối cùng: 241/27B6/59 đường H, Phường N, Quận F, TP.HCM, mất tích.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do ông Nguyễn Nam T nộp được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà ông T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo BLT số 0010320 ngày 16/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 6 TP. Hồ Chí Minh.

Ông T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Tòa án công bố quyết định giải quyết việc dân sự. Các đương sự vắng mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn